TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ TĨNH** Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST Ngày: 27- 4 - 2023 *V/v: Ly hôn, tranh chấp con chung*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H – TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Cừ

Ông Nguyễn Duy Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Dương Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 86/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2022 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 26, ngõ 318, đường N, tổ dân phố 6, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Hữu T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 26, ngõ 318, đường N, tổ dân phố 6, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

Chị và anh Trần Hữu T kết hôn vào ngày 05/4/2005, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ, chồng sống và làm việc tại thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Chị H làm nghề cắt tóc gội đầu, anh T làm nghề lái xe. Tình cảm vợ, chồng sau khi cưới khá hạnh phúc. Khoảng

cuối năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, trầm trọng nhất là từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cải cọ, xúc phạm nhau. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ, chồng là do tính cách, quan điểm sống trái ngược nhau, sống thiếu quan tâm, chia sẻ những khó khăn, vất vả trong cuộc sống. Anh T hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên uống rượu say về nhà chửi bới, xúc phạm, đánh đập vợ con. Mặc dù, đã được gia đình hai bên và người thân nhiều lần khuyên giải song không có kết quả, vợ chng không thể hòa hợp. Hiện tình cảm vợ, chồng không còn nên chị Nguyễn Thị Tuyết H xin được ly hôn với anh Trần Hữu T.

Về con chung: Vợ, chồng có hai con chung tên là Trần Hữu Đ, sinh ngày 17/3/2006; Trần Thị Thanh T, sinh ngày 04/7/2012. Nếu ly hôn chị H có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Thị Thanh T. Giao con Trần Hữu Đ cho anh Trần Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình hòa giải bị đơn anh Trần Hữu T trình bày:

Anh T thừa nhận về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Anh T thừa nhận quá trình chung sống thì vợ chồng có xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ nhặt. Năm 2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn sâu sắc, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Vì vậy, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, xô xát nhau. Do tình cảm của anh T với chị H vẫn còn, nên anh T có nguyện vọng là vợ chồng suy nghỉ lại để đoàn tụ gia đình nuôi dạy con cái, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ, chồng có hai con chung tên là Trần Hữu Đ, sinh ngày 17/3/2006; Trần Thị Thanh T, sinh ngày 04/7/2012. Nếu ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Tại bản tự khai ngày 09/3/2023 anh T yêu cầu chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, tại buổi Hòa giải ngày 15/3/2023 thì anh T chỉ có nguyện vọng là được nuôi hai con, không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có bản tự khai, vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

- Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Trần Hữu T đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: cho chị Nguyễn Thị Tuyết H được ly hôn với anh Trần Hữu T; Về con chung: Giao con chung tên là Trần Thị Thanh T, sinh ngày 04/7/2012 cho chị Nguyễn Thị Tuyết H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung tên là Trần Hữu Đ, sinh ngày 17/3/2006 cho anh Trần Hữu T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung chị H và anh T không yêu cầu nên miễn xem xét; Về tài sản, nợ chung: chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Trần Hữu T không yêu cầu nên miễn xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Tuyết H khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với anh Trần Hữu T nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung". Anh Trần Hữu T hiện trú tại tổ dân phố 6, phường Thạch Quý, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Hữu T vắng mặt tại phiên hòa giải lần 2 và vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thành phố H, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Hữu T là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Trần Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thạch Quý, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Nguyễn Thị Tuyết H nhận thấy vợ, chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H xin được ly hôn. Anh Trần Hữu T thừa nhận quá trình chung sống vợ, chồng có xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ nhặt. Năm 2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn sâu sắc, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên dẫn đến việc vợ chồng có xảy ra cãi vã, xô xát. Tuy nhiên, anh T đang còn tình cảm với chị H, nguyện vọng của anh T là vợ chồng về đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái, anh không đồng ý ly hôn.

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: quá trình chung sống chị H, anh T đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra một số mâu thuẫn như cải cọ, xô xát, xúc phạm nhau. Mặc dù, đã được gia đình, bạn bè hai bên khuyên giải song không có kết quả. Qua xác minh tại địa phương nơi vợ chồng

sinh sống được biết vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ lâu và kéo dài. Nguyên nhân chính là anh T thường xuyên rượu, chè về nhà đánh đập, chửi bới chị H. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Trần Hữu T đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Nguyễn Thị Tuyết H được ly hôn anh Trần Hữu T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Trần Hữu T đều thừa nhận vợ chồng có 2 con chung tên Trần Hữu Đ, sinh ngày 17/3/2006; Trần Thị Thanh T, sinh ngày 04/7/2012. Chị Nguyễn Thị Tuyết H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Thị Thanh T. Anh Trần Hữu T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: chị H, anh T đều có chổ ở ổn định, anh T làm nghề lái xe, chị H kinh doanh hiệu làm tóc, con từ nhỏ sống với anh, chị được chăm sóc chu đáo và cho đi học. Như vậy, chị H, anh T đều đảm bảo các điều kiện để được nuôi con. Chị H, anh T có hai con chung, anh, chị đều có nguyện vọng xin được nuôi con. Bản thân con Trần Thị Thanh T có nguyện vọng là được ở với chị H, con Trần Hữu Đ có nguyện vọng là được ở với anh T. Vì vậy, cần giao con chung Trần Thị Thanh T cho chị Nguyễn Thị Tuyết H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Trần Hữu Đ cho anh Trần Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị H, anh T không yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Nguyễn Thị Tuyết H, anh Trần Hữu T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết H, anh Trần Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; ***xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Tuyết H được ly hôn anh Trần Hữu T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thị Thanh T, sinh ngày 04/7/2012 cho chị Nguyễn Thị Tuyết H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung Trần Hữu Đ, sinh ngày 17/3/2006 cho anh Trần Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Tuyết H, anh Trần Hữu T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Tuyết H, anh Trần Hữu T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết H, anh Trần Hữu T không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001182 ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPHT;
- TAND Tỉnh HT;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Các đương sự;
- UBND phường Thạch Quý, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Dũng